

TỔNG HỢP THÔNG TIN GIAO DỊCH

TRADING SUMMARY

Ngày: 16/10/2026

Date:

1. Chỉ số chứng khoán

(Indices)

| Chỉ số<br>Indices | Đóng cửa<br>Closing value | Tăng/Giảm<br>+/- Change | Thay đổi (%)<br>% Change | GTGD (tỷ<br>đồng)<br>Trading<br>value<br>(bil.dongs) |
|-------------------|---------------------------|-------------------------|--------------------------|------------------------------------------------------|
| VNINDEX           | 1,705.91                  | 7.56                    | 0.45                     | 10,996.28                                            |
| VN30              | 1,855.41                  | 11.70                   | 0.63                     | 6,386.47                                             |
| VNMIDCAP          | 1,811.11                  | 7.21                    | 0.40                     | 3,849.58                                             |
| VNSMALLCAP        | 1,224.56                  | 3.00                    | 0.25                     | 613.34                                               |
| VN100             | 1,751.58                  | 10.21                   | 0.59                     | 10,236.05                                            |
| VNALLSHARE        | 1,730.04                  | 9.90                    | 0.58                     | 10,849.39                                            |
| VNXALLSHARE       | 2,721.35                  | 15.83                   | 0.59                     | 10,559.53                                            |
| VNCOND            | 1,846.59                  | 26.98                   | 1.48                     | 515.29                                               |
| VNCONS            | 649.54                    | 4.31                    | 0.67                     | 596.69                                               |
| VNENE             | 794.61                    | -0.48                   | -0.06                    | 640.92                                               |
| VNFIN             | 2,081.85                  | 12.21                   | 0.59                     | 5,229.72                                             |
| VNHEAL            | 1,660.46                  | 42.52                   | 2.63                     | 91.26                                                |
| VNIND             | 806.18                    | 3.60                    | 0.45                     | 1,024.59                                             |
| VNIT              | 3,050.29                  | 8.93                    | 0.29                     | 310.72                                               |
| VNMAT             | 1,902.33                  | 9.05                    | 0.48                     | 504.22                                               |
| VNREAL            | 2,952.48                  | -2.76                   | -0.09                    | 1,747.63                                             |
| VNUTI             | 941.33                    | 1.20                    | 0.13                     | 184.67                                               |
| VNDIAMOND         | 2,180.40                  | 17.44                   | 0.81                     | 3,511.52                                             |
| VNFINLEAD         | 2,742.29                  | 14.43                   | 0.53                     | 4,897.26                                             |
| VNFINSELECT       | 2,803.55                  | 17.50                   | 0.63                     | 5,137.63                                             |
| VNMITECH          | 765.73                    | 3.31                    | 0.43                     | 1,613.14                                             |
| VN50 GROWTH       | 965.38                    | 7.26                    | 0.76                     | 8,456.10                                             |
| VNDIVIDEND        | 844.48                    | 7.16                    | 0.86                     | 1,399.51                                             |
| VNSHINE           | 794.97                    | 4.71                    | 0.60                     | 2,343.34                                             |
| VNSI              | 3,094.33                  | 19.42                   | 0.63                     | 3,147.65                                             |
| VNX50             | 3,065.74                  | 19.76                   | 0.65                     | 8,726.01                                             |

2. Giao dịch toàn thị trường

(Trading total)

| Nội dung<br>Contents | KLGD (ck)<br>Trading vol. (shares) | GTGD (tỷ đồng)<br>Trading val. (bil. Dongs) |
|----------------------|------------------------------------|---------------------------------------------|
| Khớp lệnh            | 520,620,647                        | 9,966                                       |
| Thỏa thuận           | 48,982,097                         | 1,078                                       |
| Tổng                 | 569,602,744                        | 11,044                                      |

Top 5 chứng khoán giao dịch trong ngày

(Top volatile stock up to date)

| STT<br>No. | Top 5 CP về KLGD<br>Top trading vol. |                                    | Top 5 CP tăng giá<br>Top gainer |       | Top 5 CP giảm giá<br>Top loser |        |
|------------|--------------------------------------|------------------------------------|---------------------------------|-------|--------------------------------|--------|
|            | Mã CK<br>Code                        | KLGD (cp)<br>Trading vol. (shares) | Mã CK<br>Code                   | %     | Mã CK<br>Code                  | %      |
| 1          | SHB                                  | 52,418,135                         | HII                             | 6.97% | KOS                            | -6.96% |
| 2          | VIX                                  | 28,283,410                         | VDP                             | 6.95% | PMG                            | -6.88% |
| 3          | HDB                                  | 26,758,103                         | FIR                             | 6.95% | DXV                            | -6.67% |
| 4          | VPB                                  | 21,208,290                         | AAT                             | 6.91% | TNC                            | -6.16% |
| 5          | TPB                                  | 19,786,425                         | DCL                             | 6.84% | SVC                            | -5.67% |

Giao dịch của NĐTNN

(Foreigner trading)

| Nội dung<br>Contents | Mua<br>Buying | % | Bán<br>Selling | % | Mua-Bán<br>Buying-Selling |
|----------------------|---------------|---|----------------|---|---------------------------|
|----------------------|---------------|---|----------------|---|---------------------------|

|                                                                     |            |        |            |        |             |
|---------------------------------------------------------------------|------------|--------|------------|--------|-------------|
| <b>KLGD (ck)</b><br><b>Trading vol.</b><br><b>(shares)</b>          | 46,994,622 | 8.25%  | 74,405,977 | 13.06% | -27,411,355 |
| <b>GTGD (tỷ đồng)</b><br><b>Trading val.</b><br><b>(bil. Dongs)</b> | 1,308      | 11.84% | 1,842      | 16.68% | -534        |

Top 5 Chứng khoán giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài  
(Top foreigner trading)

| STT | Top 5 CP về KLGD NĐTNN<br>Top trading vol. |            | Top 5 CP về GTGD NĐTNN |             | Top 5 CP về KLGD NĐTNN mua ròng |           |
|-----|--------------------------------------------|------------|------------------------|-------------|---------------------------------|-----------|
| 1   | HDB                                        | 13,100,529 | HDB                    | 293,446,447 | MBB                             | 1,634,351 |
| 2   | SHB                                        | 8,876,082  | VHM                    | 182,124,270 | SSI                             | 1,573,875 |
| 3   | MBB                                        | 8,593,649  | MWG                    | 174,405,646 | CTG                             | 1,355,243 |
| 4   | ACB                                        | 5,656,629  | MBB                    | 170,999,975 | PVT                             | 971,255   |
| 5   | CTG                                        | 5,339,757  | VIC                    | 166,048,580 | FPT                             | 822,209   |

3. Sự kiện doanh nghiệp

| STT | Mã CK | Sự kiện                                                                                                         |
|-----|-------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | SBA   | SBA giao dịch không hưởng quyền -nhận cổ phiếu tăng vốn theo tỷ lệ 20:1 (số lượng dự kiến: 3.024.413 cp).       |
| 2   | CNG   | CNG giao dịch không hưởng quyền - trả cổ tức năm 2025 bằng tiền mặt với tỷ lệ 10%, ngày thanh toán: 10/11/2026. |